

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/12

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
Sản phẩm: **Kauropal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Kauropal® 931 liquid

Sử dụng: Hóa chất

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Độc cấp tính: Cat.4 (tiếp xúc miệng)
Tổn thương mắt nghiêm trọng: Cat.1
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
Sản phẩm: **Kauopal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025



Cảnh báo:
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H318	Gây thương tổn mắt nghiêm trọng.
H302	Nguy hại khi nuốt phải.
H412	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.
H401	Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Trang bị bảo vệ mắt/ mặt.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P270	Không ăn, uống hay hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xả phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338	NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch. Ngay lập tức liên hệ với Trung Tâm Chết Độc hay bác sĩ.
P310	
P330	Súc miệng.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

Phân loại này dựa trên đề nghị CESIO hiện tại. Chất hoạt tính bề mặt này phù hợp với tiêu chuẩn phân hủy vi sinh vật như được đề cập trong Quy định (EC) Số 648/2004 về chất tẩy. Dữ liệu hỗ trợ sự xác nhận này được lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền của các Bang thành viên và sẽ được chuẩn bị sẵn khi có

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Polymer dựa trên:

trong nước

Thành phần nguy hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
Sản phẩm: **Kauopal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Alcohols, C12-14, ethoxylated

Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - \leq

100 %

Số CAS: 68439-50-9

Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)

Eye Dam./Irrit.: Cat. 1

Aquatic Acute: Cat. 2

Aquatic Chronic: Cat. 3

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ. Ngay lập tức hít một liều corticosteroid sol khí.

Khi tiếp xúc với da:
Ngay lập tức rửa kỹ với nhiều nước, mặc áo quần khô, xin ý kiến tư vấn chuyên môn về da.

Khi tiếp xúc với mắt:
Ngay lập tức rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước chảy và mở to mí mắt, tham khảo ý kiến chuyên gia mắt.

Khi nuốt phải:
Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:
Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Phun nước, bột khô, bọt

Những mối nguy hiểm cụ thể:
những chất dạng hơi có hại, các oxit cacbon
Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:
Nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
Sản phẩm: **Kauopal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8.

Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Đưa ra phương thức bảo vệ thích hợp.

Cảnh báo môi trường:

Chứa nước nhiễm bẩn/nước chữa cháy. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

Cho phần còn lại: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Chống ẩm. Đóng chặt các thùng chứa ngay sau khi lấy sản phẩm vì sản phẩm hấp thụ hơi ẩm trong không khí. Không phương thức đặc biệt nào cần thiết với điều kiện sản phẩm được sử dụng đúng cách.

Phòng chống cháy nổ:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Hướng dẫn bảo quản

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Thép không gỉ 1.4401, Thép không gỉ 1.4301 (V2), nhôm, Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, thiếc (tám thiếc), kính, Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE, mạ kẽm

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và lưu giữ nơi thoáng mát

Sản phẩm được đóng gói sẽ không bị hư hại do nhiệt độ thấp hay đông lạnh. Thùng chứa phải được ngăn ngừa sự hoá rắn.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 70 °C

Thuộc tính của sản phẩm có thể thay đổi nếu vượt quá nhiệt độ giới hạn.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

| Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
Sản phẩm: **Kauopal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Bảo vệ hô hấp khi hơi/ aerosol thoát ra. Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

cao su nitril (NBR) - bề dày lớp phủ 0.4 mm

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Điều chỉnh vừa kín kính an toàn (gọng kính) (ví dụ EN 166) và tấm che mặt.

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng	
Màu sắc:	không màu đến hơi vàng	
Mùi:	đặc trưng của sản phẩm	
Giá trị pH:	5 - 8 (50 g/l, 23 °C)	(DIN EN 1262)
điểm đóng sương:	tương đương 6 °C	(DIN 51801)
nhiệt độ kết tinh:	tương đương 8 °C	(DIN ISO 2207)
Điểm sôi:	> 250 °C	(được ước lượng)
	Dữ liệu được ghi nhận từ thành phần hoạt tính trogn sản phẩm., chứa nước	
Thông tin trên: water		
Điểm sôi:	100 °C	

Điểm chớp cháy:	> 100 °C	(DIN 51758)
Tốc độ bay hơi:	không được xác định	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
 Sản phẩm: **Kaupol® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	Dựa trên cấu trúc hay thành phần hóa chất, sản phẩm không cho thấy đặc tính dễ cháy.	
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	> 200 °C	(DIN 51794)
Phân huỷ do nhiệt:	> 300 °C	(DTA)
Tự bắt cháy:	không tự cháy	
Khả năng tự gia nhiệt:	Đó không phải là chất có thể tự đun nóng theo các quy định vận chuyển UN loại 4.2.	
Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	< 0.1 hPa (20 °C)	(phương pháp nội bộ)
Tỷ trọng:	tương đương 0.99 g/cm ³ (20 °C)	(DIN 51757)
Tỷ trọng tương đối:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Tỷ trọng hơi (không khí):	không được xác định	
Tính tan trong nước:	hoà tan	
Khả năng pha trộn với nước:	có thể trộn lẫn với mọi tỷ lệ.	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	cồn hoà tan	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	Nghiên cứu về kỹ thuật không mang tính khả thi.	
Tính nhớt, động lực:	tương đương 100 mPa.s (23 °C)	(phương pháp nội bộ)

Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất:
 Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:
 Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
Sản phẩm: **Kauopal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Phân hủy do nhiệt: > 300 °C (DTA)

Những chất cần tránh:

các chất ăn mòn, các halogen, Dung dịch kiềm, các axit, các hóa chất có tính hoạt hóa cao

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Không xảy ra các phản ứng nguy hiểm khi cất trữ và sử dụng theo hướng dẫn.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50 chuột (miệng): > 300 - 2,000 mg/kg (OECD hướng dẫn 401)

Dữ liệu tài liệu.

Độ độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 2,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)

Dữ liệu tài liệu. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Đánh giá độ độc cấp tính

Nguy hại khi nuốt phải.

Thông tin trên: Alcohols, C12-14, ethoxylated

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50 chuột (miệng): > 300 - 2,000 mg/kg (OECD hướng dẫn 401)

Dữ liệu tài liệu.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 404)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
Sản phẩm: **Kauopal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Dữ liệu tài liệu.

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: tổn thương không thể thay đổi được (OECD hướng dẫn 405)

Dữ liệu tài liệu.

Thông tin trên: Alcohols, C12-14, ethoxylated

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: tổn thương không thể thay đổi được (OECD hướng dẫn 405)

Dữ liệu tài liệu.

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Dựa vào cấu trúc không có nghi ngờ tiềm tàng nào về dị ứng da

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Dựa trên cấu trúc, không có nghi ngờ về một hiệu ứng gây biến đổi gen.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Dựa theo cấu trúc phân tử thì hóa chất hoàn toàn không gây ung thư.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Dựa trên các thành phần sản phẩm, không có nghi ngờ về độc tính ảnh hưởng đến sinh sản.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Dựa trên thành phần sản phẩm, hoàn toàn không có mối nguy cơ gây biến đổi di truyền.

Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Những thông tin hiện tại về sản phẩm không cho thấy độc tính đối với cơ quan mục tiêu cụ thể khi tiếp xúc nhiều lần.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
Sản phẩm: **Kauopal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Thông tin độc tính liên quan khác

Sản phẩm không được thí nghiệm. Những công bố về tính độc tố có nguồn gốc từ đặc tính của từng thành phần.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 1 - 10 mg/l, *Leuciscus idus* (Thí nghiệm (OECD 203))

Dữ liệu tài liệu.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 1 - 10 mg/l, *Daphnia magna* (DIN 38412 Phần 11)

Dữ liệu tài liệu.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) > 1 - 10 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Desmodesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 9)

Tác động cấp tính Dữ liệu tài liệu.

Nồng độ tác động không quan sát được > 0.1 - 1 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), tạo ảnh hưởng lâu dài Dữ liệu tài liệu. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC10 5,000 mg/l, bùn hoạt tính (DEV-L2)

Độc mãn tính cho loài cá:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Không có sẵn các dữ liệu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H₂O):

Có thể nhanh chóng phân hủy (theo tiêu chuẩn OECD).

Thông tin bị đào thải:

>= 90 % Bismuth - Chất hoạt hoá (mod. OECD 303A)

> 60 % Sự hình thành CO₂ có liên quan đến chỉ số lý thuyết (28 d) (OECD 301B; ISO 9439; 92/69/EEG, C.4-C) (hiếu khí, bùn hoạt tính) Có thể nhanh chóng phân hủy (theo tiêu chuẩn OECD).

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
Sản phẩm: **Kauopal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Tương tự: Quá trình đánh giá bắt nguồn từ sản phẩm với tính chất hoá học tương tự.

Tham số/ Giới hạn tổng

Nhu cầu oxy sinh hoá (COD): tương đương 2,700 mg/g

Nhu cầu oxy sinh học (BOD): 685 mg/g

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:
Không có khả năng tích lũy trong sinh khối.

Thông tin bổ sung

Ghi chú thêm về huỷ hoại môi trường và quá trình:
Việc xử lý trong các nhà máy xử lý nước thải công nghệ sinh học phải tuân thủ quy định của địa phương.

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:
Việc hít phải quá trình hoạt động phân huỷ trong bùn hoạt tính không thể dự đoán được trong khi đưa ra nồng độ thấp. Sản phẩm không được thí nghiệm. Những công bố về độc tố sinh học có nguồn gốc từ các thuộc tính của từng thành phần. Không thải sản phẩm vào môi trường mà không được kiểm soát.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.
Không được xử lý qua hệ thống nước thải

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:
Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.
Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận	Không áp dụng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
 Sản phẩm: **Kauopal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

chuyển:
 Nhóm đóng gói: Không áp dụng
 Mức nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng
 Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG
 Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
 Số UN hoặc số ID: Không áp dụng
 Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:
 Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng
 Nhóm đóng gói: Không áp dụng
 Mức nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng
 Ô nhiễm hàng hải: không
 Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG
 Not classified as a dangerous good under transport regulations
 UN number or ID number: Not applicable
 UN proper shipping name: Not applicable
 Transport hazard class(es): Not applicable
 Packing group: Not applicable
 Environmental hazards: Not applicable
 Marine pollutant: no
 Special precautions for user: None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO
 Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
 Số UN hoặc số ID: Không áp dụng
 Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:
 Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng
 Nhóm đóng gói: Không áp dụng
 Mức nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng
 Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO
 Not classified as a dangerous good under transport regulations
 UN number or ID number: Not applicable
 UN proper shipping name: Not applicable
 Transport hazard class(es): Not applicable
 Packing group: Not applicable
 Environmental hazards: Not applicable
 Special precautions for user: None known

15. Thông tin về pháp luật**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 14.03.2024
Sản phẩm: **Kauropal® 931 liquid**

Phiên bản: 4.0

(30034795/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Sản phẩm này là của đặc trưng công nghiệp và trừ khi được chỉ rõ hoặc đồng ý khác được dùng dành riêng cho ngành công nghiệp. Bao gồm cách sử dụng được đề cập và đề nghị. Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Trong sự liên hệ cụ thể này, việc áp dụng cho những sản phẩm là mục tiêu của những quy định và tiêu chuẩn đặc biệt.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.